

Tác động của sáng chế đối với hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ

Nguyễn Văn Kim*, Nguyễn Thị Ngọc Anh

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, 336 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội, Việt Nam

Nhận ngày 21 tháng 5 năm 2015

Chỉnh sửa ngày 19 tháng 6 năm 2015; Chấp nhận đăng ngày 18 tháng 8 năm 2015

Tóm tắt: Bằng độc quyền sáng chế (Patent) có vai trò hết sức quan trọng, là công cụ để phát triển kinh tế cũng như góp phần tạo nên sức mạnh cho mỗi doanh nghiệp, mỗi quốc gia. Patent là tác nhân quan trọng để: tạo động lực cho sự đổi mới của mỗi quốc gia; thúc đẩy hoạt động R&D; thúc đẩy quá trình chuyển giao công nghệ và thu hút các nguồn đầu tư về KH&CN. Những dữ liệu về Patent là tiền đề để đánh giá, so sánh tiềm lực KH&CN của mỗi quốc gia so với các nước khác trong khu vực và trên thế giới. Mặc dù giữ vai trò đặc biệt quan trọng như vậy tuy nhiên tại Việt Nam số lượng Patent còn rất ít so với các nước trong khu vực điều này cho thấy tiềm lực KH&CN của chúng ta còn yếu. Để gia tăng số lượng Patent của Việt Nam phát triển tiềm lực KH&CN của đất nước cần đẩy mạnh các chính sách như: nâng cao chất lượng các sáng chế tại các tổ chức nghiên cứu; Phát triển chính sách sử dụng thông tin sáng chế; đảm bảo thực thi quyền Sở hữu trí tuệ; duy trì các chính sách hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ.

Từ khóa: Patent, R&D, tiềm lực KH&CN, Sở hữu trí tuệ.

1. Đặt vấn đề

Khi phân tích và đánh giá kết quả nghiên cứu khoa học, trước hết cần xem xét các chỉ số liên quan đến ấn phẩm khoa học và đối tượng của quyền sở hữu công nghiệp, mà trước hết là Patent. Đây được coi là tiêu chí để đánh giá năng suất hoạt động khoa học và công nghệ (KH&CN) của một quốc gia.

Thực tế cho thấy có thể dễ dàng đo được số lượng Patent, nhưng để đo chất lượng của Patent là việc khó. Việc đánh giá hoạt động

KH&CN thông qua dữ liệu Patent đã được các học giả trên thế giới quan tâm nghiên cứu. Trong nghiên cứu của Basberg (1987), đã đề cập đến việc đánh giá sáng chế để đo lường sự thay đổi công nghệ thông qua khảo sát việc trích dẫn các tác phẩm khoa học chuyển tải thông tin về sáng chế. Pavitt, Keith (1988) cho rằng có sự khác biệt trong cách đánh giá tác động của sáng chế đến hoạt động KH&CN, đó là: sự khác biệt trong chi phí và lợi ích kinh tế do Patent mang lại; sự khác biệt giữa các lĩnh vực công nghệ mà sáng chế được nghiên cứu; sự khác biệt trong đánh giá Patent đến hoạt động đổi mới và đặc biệt coi trọng tiêu chí Patent phải được áp dụng trong thực tế. Trong

* Tác giả liên hệ. ĐT.: 84-915502198
Email: nguyenvankimls@yahoo.com

một nghiên cứu do Mạng lưới nghiên cứu xã hội (*Social Science Research Network*) phát hành, Freddy Pachys (2010) đã đề xuất đánh giá Patent thông qua chỉ số tác động đến hiệu quả thương mại, có nghĩa là Patent cần phải đạt tiêu chí áp dụng trong thực tế và hiệu quả công nghệ cần được đánh giá thông qua hiệu quả thương mại.

Các chỉ số để xem xét, đánh giá Patent được dựa trên các tác phẩm khoa học chuyên tài thông tin về Patent, như SCI, ISI, chỉ số trích dẫn (Citation Index), hệ số ảnh hưởng (Impact Factor – IF). Cần lưu ý thông tin về Patent khác với thông tin về sáng chế, một sáng chế có thể không được cấp Patent do đó thông tin về sáng chế có thể không được bộc lộ/cần giữ bí mật, nhưng khi Patent được cấp cho một sáng chế thì thông tin về nó phải được công khai và chi tiết đến mức một người có trình độ trung bình trong cùng lĩnh vực công nghệ có thể đọc và áp dụng Patent.

Như vậy, có thể nhận định việc đánh giá tác động của Patent đến hoạt động KH&CN được thông qua nhiều tiêu chí, trong đó nhấn mạnh đến chỉ số trích dẫn, hệ số ảnh hưởng thể hiện ở lĩnh vực công nghệ mà Patent đề cập và hiệu quả kinh tế mà Patent mang lại.

Các thuật ngữ được sử dụng trong bài viết này: sáng chế được hiểu là giải pháp kỹ thuật dưới dạng sản phẩm hoặc quy trình nhằm giải quyết một vấn đề xác định bằng việc áp dụng các quy luật tự nhiên, như vậy sáng chế có thể được tồn tại dưới dạng vật thể, chất thể hoặc quy trình/phương pháp; Patent được hiểu theo nghĩa duy nhất là bằng độc quyền sáng chế.

2. Vị trí của Patent đối với sự phát triển của nền Khoa học và Công nghệ

Sáng chế và bằng độc quyền sáng chế (*Patent*) là hai thuật ngữ khác nhau, *Sáng chế* là

giải pháp kỹ thuật dưới dạng sản phẩm hoặc quy trình nhằm giải quyết một vấn đề xác định bằng việc áp dụng các quy luật tự nhiên. Sáng chế chỉ được cấp Patent khi nó hội tụ đủ 3 điều kiện: tính mới (trên phạm vi thế giới), trình độ sáng tạo và có khả năng áp dụng công nghiệp. Tiêu chuẩn quốc tế đối với sáng chế được quy định tại điều 27.1 của Hiệp định TRIPS: “*Patent phải được cấp cho sáng chế bất kỳ, dù là sản phẩm hay quy trình, trong tất cả các lĩnh vực công nghệ, với điều kiện nó phải mới, có trình độ sáng tạo và khả năng áp dụng công nghiệp*”[1].

Tài liệu do WIPO phát hành định nghĩa: “*Patent là chứng chỉ chính thức do Nhà nước cấp cho nhà sáng chế. Chứng chỉ này cho phép nhà sáng chế có quyền ngăn chặn bất cứ ai có hành vi sao chép, sử dụng, phân phối hoặc chuyển giao sáng chế mà không được sự đồng ý của nhà sáng chế*”[2]

Patent có vai trò là công cụ để phát triển kinh tế cũng như góp phần tạo nên sức mạnh của mỗi quốc gia, mỗi tổ chức. Phân tích tư liệu Patent dưới nhiều hình thức để nhận được nhiều loại thông tin khác nhau như: xu hướng phát triển công nghệ, xu hướng nghiên cứu của đối thủ cạnh tranh, tình trạng pháp lý của một công nghệ,... hay xem xét để đánh giá những sáng tạo, những bước tiến và sự hoàn thiện của các lĩnh vực công nghệ khác nhau, sự phát triển thị trường công nghệ trên thế giới.

2.1. Patent tạo động lực cho sự đổi mới/sáng tạo

Nội dung chủ yếu của Patent được thể hiện như sau:

- Bộc lộ hoàn toàn bản chất kỹ thuật của sáng chế, tức là phải có đầy đủ thông tin đến mức mà căn cứ vào đó người có trình độ trung bình trong cùng lĩnh vực đều có thể đọc bản mô tả này và sử dụng được sáng chế;

- Xác định rõ ràng bằng từ ngữ chính xác sáng chế mà Patent được cấp cho nó, để người sử dụng sáng chế này không xâm phạm một cách vô tình.

Bản chất của việc bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp đối với sáng chế dưới hình thức Patent là dành cho các tác giả hoặc chủ sở hữu sáng chế các “độc quyền” trong việc sử dụng thành quả cho sự sáng tạo của họ từ đó tạo động lực thúc đẩy sự sáng tạo cho toàn xã hội. Patent mang lại cho tác giả và/hoặc chủ sở hữu sáng chế mang lại cho nhà sáng chế cơ hội để có thu nhập theo ba mức. Thứ nhất, họ có cơ hội để bù đắp những chi phí của mình (phí tổn phải gánh chịu trong quá trình phát triển sáng chế thường là vốn, thời gian, trang thiết bị lao động). Thứ hai, khả năng thu lợi nhuận (một khoản lợi nhuận khả quan trên vốn đầu tư) từ việc bán các sản phẩm có mang sáng chế. Khả năng thu được một khoản lợi nhuận này phụ thuộc vào việc sáng chế đó có thực sự làm tăng nhu cầu đối với sản phẩm hay không và liệu còn có những thay thế hoặc lựa chọn khác cho sản phẩm hoặc sáng chế đó hay không. Thứ ba, khả năng có được thu nhập từ việc chuyển giao quyền sử dụng hoặc chuyển nhượng quyền sở hữu (bán) Patent cho người khác để khai thác sáng chế tại nhiều thị trường hơn.

Theo thuyết Phần thưởng hay còn gọi là bù đắp chi phí (Reward thesis) lập luận rằng, để sáng tạo ra một giải pháp kỹ thuật nhà sáng chế phải trả chi phí một lượng vật chất, tài chính nhất định, bởi vậy xã hội có trách nhiệm bù đắp các chi phí cho nhà sáng chế và pháp luật phải được sử dụng để đảm bảo việc thưởng này. Xét về mặt bản chất sáng chế với tư cách là một công nghệ khác với các loại hàng hóa thuần túy khác ở chỗ nó là một tài sản riêng được tạo ra trên cơ sở đầu tư về mặt kỹ thuật và vật chất của một người hoặc một nhóm người nhất định, tuy nhiên một sáng chế cũng có thể tiếp cận

dưới dạng thông tin khi mất dần đi các tính chất của một loại tài sản riêng, nguồn thông tin này phục vụ cho quá trình R&D. Như vậy, Phần thưởng cho các tác giả và/hoặc chủ sở hữu sáng chế là lợi ích kinh tế và chính phần thưởng này là động lực giúp họ tiếp tục đầu tư để thúc đẩy lập lại quy trình sáng tạo, đầu tư một phần thu nhập của mình cho hoạt động đổi mới/sáng tạo để hình thành ra những sáng chế mới. Quy trình này trở thành sẽ thúc đẩy việc hình thành các sáng chế mới từ đó thúc đẩy năng lực sáng tạo của mỗi quốc gia.

Việc thực thi tốt các chính sách về thực thi quyền sở hữu trí tuệ sẽ hạn chế hoạt động cạnh tranh không lành mạnh giữa các đối thủ kinh doanh trên thị trường, bảo vệ lợi ích và thành quả cho sự sáng tạo và đầu tư của tác giả và/hoặc chủ sở hữu sáng chế từ đó khuyến khích sự sáng tạo – một động lực để khuyến khích sự đổi mới/sáng tạo trong KH&CN – nền tảng của sự phát triển kinh tế bền vững.

2.2. Patent là tác nhân kích thích hoạt động R&D

Ngoài việc tạo động lực cho quá trình đổi mới/sáng tạo, hệ thống Patent còn tạo điều kiện cho việc triển khai các sáng chế từ giai đoạn nghiên cứu cơ bản đến nghiên cứu áp dụng, triển khai thực nghiệm tạo ra sản phẩm mới (quá trình này còn được gọi là hoạt động R&D) và thương mại hóa.

Các nhà hoạch định chính sách đã được khuyến khích bởi kết luận của các nhà kinh tế rằng tỷ lệ tăng trưởng kinh tế của một nước chịu ảnh hưởng của chính sách về SHTT của chính phủ nước đó. Sự thừa nhận gần đây về tầm quan trọng vốn có trong “*Lý thuyết tăng trưởng nội sinh*” [3] (chính sách kinh tế và các nhân tố bên ngoài có thể thúc đẩy tăng trưởng kinh tế” gợi ý cho chính phủ cần ưu tiên hơn cho các chính sách thúc đẩy hoạt động nghiên cứu và triển khai thực nghiệm trong nước tạo cơ

sở tiềm lực khoa học và công nghệ vững chắc chứ không phải việc nhập khẩu công nghệ từ bên ngoài. Ưu điểm của lý thuyết tăng trưởng kinh tế này là việc bản thân chính phủ các nước có thể tạo ra sự thay đổi trong phát triển kinh tế bằng các sử dụng các công cụ sẵn có trong đó có các chính sách về bảo hộ sở hữu công nghiệp đối với sáng chế. Việc bảo hộ này sẽ bảo vệ người sáng tạo ra sáng chế trong một khoảng thời gian nhất định chống lại sự cạnh tranh của những người không phải đầu tư một cách mạo hiểm để tạo ra sáng chế, thông qua đó thúc đẩy hoạt động R&D. Khi một môi trường “an toàn” được tạo ra cho những nhà đầu tư và nhà sáng chế hạn chế rủi ro về tài chính khi công nghệ của họ bị “bắt chước” giảm đi từ đó khuyến khích hơn nữa việc đầu tư phát triển và tăng cường tiềm lực KH&CN đất nước.

Patent và những quyền mà nó mang lại cho tác giả và/hoặc chủ sở hữu (chủ thể quyền) là cơ sở khuyến khích quá trình nghiên cứu, triển khai và khai thác các tri thức thông qua các công cụ về chính sách để đảm bảo cho việc thương mại chúng diễn ra một cách thuận lợi hạn chế rủi ro trong hoạt động R&D.

2.3. Patent thúc đẩy chuyển giao cho công nghệ và thu hút đầu tư

Một phương tiện quan trọng cũng góp phần thúc đẩy phát triển tiềm lực KH&CN của mỗi quốc gia đó là việc tạo ra công nghệ mới thông qua quá trình chuyển giao công nghệ và thu hút đầu tư.

Một hệ thống Patent mạnh và sự thực thi phù hợp là điều kiện tiên quyết cho hoạt động chuyển giao công nghệ và đầu tư. Một điều kiện cơ bản để quá trình chuyển giao công nghệ diễn ra đó là việc bên chuyển giao phải là chủ thể quyền của đối tượng chuyển giao bởi lẽ sẽ không có ai bỏ chi phí ra để mua một sản phẩm công nghệ mà không thuộc về bất kỳ ai cả. Hệ

thống Patent như một cơ chế đảm bảo để bên chuyển giao yên tâm bộc lộ các công nghệ của mình đồng thời bên nhận chuyển giao cũng yên tâm về việc có thực sự bên chuyển giao là người nắm quyền đối với đối tượng chuyển giao hay không.

Do đó, Patent tạo điều kiện thuận lợi cho chuyển giao công nghệ và đầu tư là tạo ra môi trường an toàn để tiến hành kinh doanh và tiếp tục tiến hành hoạt động R&D. Với những quan hệ đầu tư và kinh doanh đó, dựa vào cơ cấu đúng đắn và các điều kiện thuận lợi trong các hợp đồng liên doanh, một mùa bội thu trong chuyển giao công nghệ dưới dạng bí quyết và phát triển nguồn vốn nhân lực có thể đạt được.

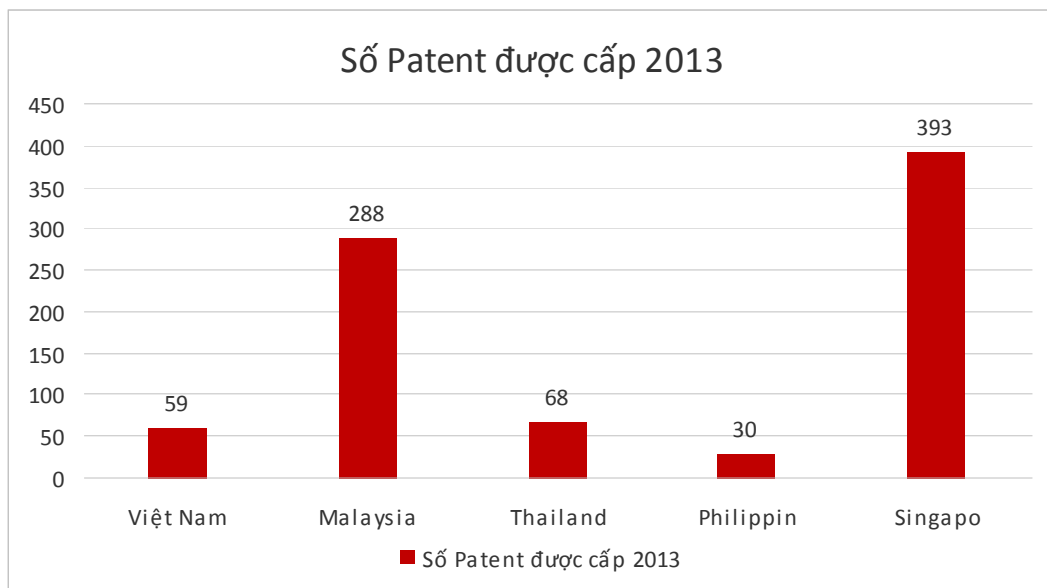
Patent cung cấp một nguồn thông tin kỹ thuật và kinh doanh phong phú để có thể sử dụng để phân tích các công nghệ mới nhất và để tìm kiếm đối tác kinh doanh cũng như người bán li-xăng. Vai trò của hệ thống Patent trong việc cung cấp thông tin có giá trị đã bị đánh giá thấp trong xúc tiến R&D và chuyển giao công nghệ. Thông qua những thông tin về sáng chế với tư cách là đối tượng chuyển giao sẽ giúp các bên thuận lợi hơn trong việc đánh giá giá trị của loại tài sản trí tuệ này qua việc đánh giá điểm khác biệt của đối tượng này so với đối tượng khác.

3. Tiềm lực Khoa học và Công nghệ của Việt Nam so với một số quốc gia trong khu vực thông qua số lượng Patent

Như đã phân tích ở trên, một trong số tiêu chí đánh giá năng lực nghiên cứu khoa học và tiềm lực KH&CN của một quốc gia chính là số lượng Patent được cấp cho đối tượng người nộp đơn là người trong nước. Hơn thế, hệ thống Patent có vai trò quan trọng đối với hoạt động đổi mới/sáng tạo của mỗi quốc gia. Tuy nhiên,

số lượng Patent được cấp cho chủ thể là người Việt Nam có tăng qua các năm nhưng còn rất thấp so với các nước trong khu vực Đông Nam Á chưa xét đến tầm khu vực. Dưới đây là biểu

đồ so sánh số lượng Patent được cấp cho chủ thể nộp đơn là người bản xứ của một vài nước Đông Nam Á bao gồm: Thái Lan, Singapo, Malaysia, Philipin.



Biểu đồ thể hiện số lượng Patent được cấp trong năm 2013 của một số nước trong khu vực ASEAN [4].

Qua thống kê của tổ chức sở hữu trí tuệ thế giới có thể thấy rằng số Patent được cấp của Việt Nam năm 2013 so với 5 nước còn lại trong khu vực (cần lưu ý đây là 4 nước có trình độ phát triển cao nhất trong số các nước Asean), cao hơn Philipin gần 2 lần, trong khi đó lại thấp hơn Thái Lan (1,15 lần); Singapo (6,66 lần); Malaysia (4,88 lần).

Một trong hai chỉ số quan trọng đánh giá năng lực khoa học của một quốc gia chính là số Patent được cấp bởi cơ quan SHTT của mỗi quốc gia. Số lượng Patent của Việt Nam còn rất thấp so với các nước trong khu vực điều ấy chính tỏ năng lực nghiên cứu khoa học và tiềm lực KH&CN của Việt Nam còn thấp.

Những nước có số lượng sáng chế đăng ký cao như Singapo, Thái Lan, Indonesia đều là

các nước có tốc độ tăng trưởng GDP cao, điều đó chứng tỏ năng lực nghiên cứu khoa học với chỉ số đánh giá là các sáng chế đăng ký cũng có mối liên hệ mật thiết đối với chỉ số phát triển kinh tế của mỗi quốc gia.

Để nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học và tiềm lực KH&CN của mình, đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế đất nước Việt Nam cần phân tích cụ thể các nguyên nhân làm hạn chế số, rút kinh nghiệm bài học của các nước trong khu vực để tìm ra giải pháp thích hợp nhất cho mình mục tiêu nâng cao tiềm lực KH&CN đất nước.

4. Về lĩnh vực công nghệ mà Patent đề cập

Như đã phân tích, theo quy định của WIPO có 35 lĩnh vực công nghệ, khi đánh giá các sáng

5. Về khả năng Patent được áp dụng

Hiện tại chưa có số liệu thống kê về danh mục các Patent được áp dụng trong thực tiễn/ tổng số Patent được cấp. Nhưng khi nghiên cứu khả năng áp dụng các sáng chế được cấp Patent thì thấy rằng rất khó khăn, đến mức độ phải

dùng ngân sách Nhà nước để hỗ trợ cho việc áp dụng sáng chế. Bài viết xin dẫn chứng các dự án áp dụng sáng chế thuộc *Chương trình hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2011-2015* được thể hiện qua Bảng sau đây:

TT	Tên Dự án	Mã hiệu
1	Áp dụng sáng chế về chống nước biển xâm thực, gây sạt lở ở khu vực Nam bộ	CT68/2012-2013/TW-SC1
2	Áp dụng sáng chế liên quan đến sản xuất, bảo quản hoặc chế biến nông sản	CT68/2012-2013/TW-SC2
3	Áp dụng sáng chế về xử lý chất thải làng nghề	CT68/2012-2013/TW-SC3
4	Áp dụng sáng chế về xử lý chất thải đô thị	CT68/2012-2013/TW-SC4
5	Áp dụng sáng chế về sản xuất điện sạch (<i>từ gió, sóng biển...</i>)	CT68/2012-2013/TW-SC5

Nguồn: Danh mục các dự án thuộc Chương trình hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ thực hiện trong 2 năm 2012-2013 (Kèm theo Quyết định số 147/QĐ-BKHCHN ngày 10/02/2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ).

Có thể thấy cả 5 sáng chế trong danh mục dự án đều thuộc lĩnh vực công nghệ đang được cả xã hội quan tâm, nhưng chúng vẫn cần ngân sách Nhà nước hỗ trợ mới có thể áp dụng trong thực tiễn.

Xin khảo sát dự án số 3, mã số CT68/2012-2013/TW-SC3, về việc Áp dụng sáng chế “*Bể tích hợp 5 chức năng và điều chỉnh được để xử lý nước thải*” để xây dựng mô hình xử lý nước thải cho làng nghề sản xuất bánh đa và miến tại thôn Me, xã Tân Hòa, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

Dự án này hướng tới nhiệm vụ:

- Thử nghiệm ứng dụng sáng chế mới “*Bể tích hợp 5 chức năng và điều chỉnh được để xử lý nước thải*” vào phát triển giải pháp công nghệ thích ứng để xử lý và quản trị hiệu quả môi trường nước thải trong làng nghề sản xuất bánh đa, sản xuất miến hay sản xuất bún tại Làng Me, xã Tân Hòa, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

- Xây dựng được một mô hình xử lý nước thải phù hợp và hiệu quả để xử lý nước thải ô nhiễm cho một cụm dân cư tập trung (hay một xóm) trong làng nghề, với quy mô 20-40 gia đình trong làng Me.

- Vận hành thử nghiệm, điều chỉnh và bàn giao thành công mô hình cho cụm dân cư thụ hưởng hay chính quyền sở tại, để vận hành khai thác tiếp tục.

- Bước đầu đánh giá hiệu quả công nghệ và kinh tế của dự án, đồng thời đề xuất giải pháp để triển khai mở rộng quy mô khai thác ứng dụng mô hình và giải pháp công nghệ mới được tạo ra từ dự án này cho toàn bộ làng nghề trong xã Tân Hòa và cho các làng nghề sản xuất nhóm sản phẩm tương ứng khác trong cả nước. [5].

Dự án đã thành công, đặc biệt là thành công ở tiêu chí nhân rộng quy mô khai thác ứng dụng mô hình và giải pháp công nghệ mới được tạo ra từ dự án này cho các làng nghề sản xuất

nhóm sản phẩm tương ứng khác trong cả nước, thể hiện ở việc đã chuyển giao đưa vào áp dụng “Bể tích hợp 5 chức năng và điều chỉnh được để xử lý nước thải”, đạt hiệu quả áp dụng và hiệu quả kinh tế.

Qua đây cho thấy, khác biệt với việc áp dụng sáng chế ở các quốc gia khác, tại Việt Nam cần có sự hỗ trợ của Nhà nước mới có thể đưa sáng chế áp dụng trong thực tiễn.

Về mặt lý thuyết, một sáng chế được cấp Patent có nghĩa là nó đã đạt tiêu chí khả năng áp dụng công nghiệp, nhưng trong thực tiễn nó lại cần lặp lại giai đoạn thử nghiệm, mà lẽ ra giai đoạn này thuộc quá trình R&D chứ không thuộc giai đoạn chuyển giao. Việc lặp lại giai đoạn thử nghiệm trong quá trình chuyển giao có hiệu ứng chứng minh tiêu chí “khả năng áp dụng công nghiệp” của sáng chế, trên cơ sở đó thúc đẩy nhanh việc chuyển giao sáng chế, áp dụng trong thực tiễn.

6. Một số khuyến nghị về sách phát triển tiềm lực Khoa học và Công nghệ Việt Nam

6.1. Nâng cao chất lượng các sáng chế tại các tổ chức nghiên cứu khoa học

Một thực tế đang tồn tại ở Việt Nam là mặc dù số lượng Viện và Trung tâm nghiên cứu không phải là ít tuy nhiên số lượng Patent được cấp lại không nhiều. Qua phương tiện truyền thông đại chúng ta có thể thấy những sáng chế được tạo ra từ các tổ chức nghiên cứu tính áp dụng thấp do đó ở nhiều nơi xuất hiện những “nhà sáng chế” từ nông dân từ nhu cầu sản xuất thực tiễn đã tạo nên những sáng chế hữu ích trong cuộc sống. Những sáng chế này lại khó có khả năng được bảo hộ do thiếu các trang bị kỹ thuật để thực hiện do vậy khả năng đáp ứng các tiêu chuẩn bảo hộ hoặc tạo yếu tố công nghệ đột phá để phát triển là rất thấp. Để hạn chế tình trạng trên cần:

Tăng cường liên kết với các doanh nghiệp. Việc làm này sẽ góp phần tăng cường nguồn kinh phí cho hoạt động nghiên cứu khoa học, hợp tác với các doanh nghiệp còn góp phần định hướng nghiên cứu ra các sáng chế có giá trị phục vụ cho đời sống và sản xuất.

Sử dụng hiệu thống thông tin về sáng chế. Việc sử dụng hệ thống thông tin về sáng chế sẽ giúp các tổ chức nghiên cứu biết được sáng chế của mình có còn tính mới không tránh việc tốn thời gian nghiên cứu lặp lại hoặc vô tình xâm phạm quyền đối với đối tượng đã được bảo hộ, từ đó có định hướng nghiên cứu ra các sáng chế đáp ứng yêu cầu/tiêu chuẩn bảo hộ đối với sáng chế.

6.2. Phát triển chính sách sử dụng thông tin sáng chế để sáng tạo và khai thác sáng chế

Hỗ trợ khai thác các sáng chế không được bảo hộ hoặc hết hạn bảo hộ tại Việt Nam phục vụ hoạt động nghiên cứu, triển khai, sản xuất, kinh doanh và hỗ trợ khai thác thông tin sáng chế để định hướng nghiên cứu các sản phẩm mới là cách đi rút ngắn khoảng cách công nghệ hiện nay ở Việt Nam.

Một thực tế là trình độ công nghệ của Việt Nam chưa cao, chúng ta phải chi phí không nhỏ cho việc nhập khẩu công nghệ và các trang thiết bị của nước ngoài để phục vụ các hoạt động nghiên cứu, triển khai, sản xuất, kinh doanh, trong khi đó nếu biết tìm kiếm, khai thác có hiệu quả các sáng chế không được bảo hộ tại Việt Nam (kể cả các sáng chế hết thời hạn bảo hộ), chúng ta hoàn toàn có thể có được các công nghệ tương đương mà không xâm phạm quyền của chủ thể và giảm rất nhiều chi phí cho cộng đồng, doanh nghiệp.

Khi nguồn thông tin sáng chế được sử dụng sẽ hạn chế việc tiến hành các nghiên cứu trùng lặp từ đó tiết kiệm chi phí cho hoạt động R&D

trước khi tiến hành nghiên cứu các tổ chức, cá nhân có thể tra cứu nguồn thông tin này để xác định xem vấn đề kỹ thuật mà mình định nghiên cứu đã có ai thực hiện nghiên cứu trước đó mà thu được kết quả chưa từ đó xác định hướng nghiên cứu mới phù hợp hơn mang lại giá trị mới cho xã hội và có khả năng được cấp Patent cao hơn.

Thông qua nguồn thông tin về sáng chế có thể xác định được ai là chủ sở hữu của công nghệ, công nghệ đó đã được chuyển giao cho những ai, ngoài ra nguồn thông tin về sáng chế được bộc lộ cũng có thể giúp xác định được đối thủ cạnh tranh có tiềm lực hay không.

6.3. Đảm bảo thực thi quyền sở hữu trí tuệ

Để xây dựng một môi trường cạnh tranh lành mạnh, khuyến khích sự hình thành các ý tưởng, phát minh, sáng chế trong mỗi quốc gia và thu hút đầu tư nước ngoài, việc đảm bảo việc thực thi quyền sở hữu trí tuệ là một hoạt động cần thiết. Mỗi khi quyền sở hữu trí tuệ đối với một công nghệ được xác lập thì tri thức công nghệ của xã hội lại được đổi mới thêm, xã hội không phải mất các chi phí về công sức, thời gian, tiền bạc để tìm kiếm một công nghệ vừa được tìm ra; đây cũng có thể là cơ sở để hình thành các hướng nghiên cứu tiếp theo.

6.4. Duy trì Chương trình hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ

Chương trình hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ đã kết thúc giai đoạn 2011-2015, chương trình

này hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ đối với nhiều đối tượng như sáng chế, chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận, chương trình đã chứng minh được định hướng đúng của Chính phủ trong việc đưa tài sản trí tuệ áp dụng trong thực tiễn.

Như đã phân tích tại mục 4, hiệu quả kinh tế - xã hội của Patent sẽ không đạt nếu Patent không được áp dụng trong thực tiễn và như vậy, về mặt lý thuyết tiêu chí “khả năng áp dụng công nghiệp” của sáng chế không được thực thi, dẫn đến khó có thể chuyển giao Patent sau giai đoạn R&D.

Từ đó, thấy rằng nên duy trì Chương trình hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ, như là một giải pháp để hoạt động KH&CN đạt hiệu quả, đồng thời phát triển tiềm lực KH&CN.

Tài liệu tham khảo

- [1] Maria de Icaza, Inventions and Patents, WIPO, 2007, p20
- [2] Hiệp định về các khía cạnh liên quan tới thương mại của quyền sở hữu trí tuệ (AGREEMENT ON TRADE – RELATED ASPECTS OF IPR – TRIPS), Điều 27.
- [3] Phạm Phi Anh, Trần Văn Hải, Sáng chế và mẫu hữu ích, Trường Đại học KHXH&NV, Đại học Quốc gia Hà Nội, 2011.
- [4] Báo cáo hàng năm của tổ chức Sở hữu trí tuệ Thế giới WIPO, 2013,
http://www.wipo.int/ipstats/en/statistics/country_profile/profile.jsp?code=SG
- [5] Báo cáo tổng thực hiện nhiệm vụ mã số CT68/2012-2013/TW-SC3

Impacts of Patent to Scientific Research Activities and Science and Technology Potential Development

Nguyễn Văn Kim, Nguyễn Thị Ngọc Anh

University of Social Sciences and Humanities, 336 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hanoi, Vietnam

Abstract: Patents play a very important role, as a tool for economic development contributing to the strength of business in country. Patents are important factors that promote innovation, R&D activities; the transfer of technology and investments for science and technology. Patent data are a prerequisite for evaluation, comparing the scientific and technological potential of each country when comparing with other countries in the region and around the world. Although patents play special important role but they take up small number in Vietnam to compare with other countries in ASEAN region. It shows our weak science and technology potential. To increase the number of Vietnam's Patents for developing scientific and technological potential, we need to enhance policies capacity such as improving the quality of patents in the research organizations; policy development using patent information; ensure enforcement of intellectual property rights; maintain policies to support development of intellectual property.

Keywords: Patent, R&D, science and technology potential, intellectual property.